**Phụ lục I**

**Tình hình triển khai thực hiện chỉ đạo về Đề án 06 trong 6 tháng đầu năm 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Tổ CTTK ĐA 06 tỉnh)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhiệm vụ được giao** | **Văn bản giao nhiệm vụ** | **Cơ quan thực hiện** | **Thời hạn hoàn thành** | **Kết quả thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khẩn trương ban hành văn bản pháp luật theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ nhằm thực hiện nghiêm quy định bỏ Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, hướng dẫn đầy đủ, thống nhất việc sử dụng dữ liệu dân cư, mã số định danh cá nhân trong giải quyết TTHC cho người dân theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn. | Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 2 | Kịp thời rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình TTHC; tăng cường giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, cung cấp DVC trực tuyến theo quy định của Chính phủ tại các Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, số 107/2021/NĐ-CP và số 42/2022/NĐ-CP một cách thực chất, hiệu quả; ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVC trực tuyến. | Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 3 | Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân. Đồng thời, tích cực, chủ động phối hợp Bộ Nội vụ triển khai việc cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu vào CSDLQG về cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm 2023. | Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | 30/4/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 4 | Báo cáo, đề xuất cấp ủy Đảng ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị chỉ đạo triển khai Đề án 06 để tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 3/2023 | Đã thực hiện |  |
| 5 | Tổ chức quán triệt đến toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhận thức đúng, đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thường xuyên | Đã thực hiện |  |
| 6 | Đưa ra mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình cụ thể triển khai quyết liệt, thực hiện hiệu quả Đề án 06 để đạt được các mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp và giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 3/2023 | Đã thực hiện |  |
| 7 | Rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ các DVC trực tuyến đã cung cấp trên Cổng DVC quốc gia theo hướng thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 9/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 8 | Rà soát đánh giá và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ 53 DVC trực tuyến thiết yếu (tại Đề án 06 và Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ) | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 6/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 9 | Rà soát, cải tiến quy trình tiếp nhận, hướng dẫn hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa các cấp theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, động lực để cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, phục vụ tốt hơn | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 6/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 10 | Lựa chọn những nhóm TTHC gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp để tập trung triển khai thực chất, thuận lợi, kịp thời, hiệu quả; thay đổi tư duy từ “làm thay, làm hộ” sang hỗ trợ, hướng dẫn để nâng cao kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng yếu thế (người già, người khuyết tật,...); chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn người dân tộc thiểu số, các nhóm đối tượng có trình độ công nghệ thông tin còn hạn chế thực hiện TTHC, DVC trực tuyến, thay đổi thói quen sử dụng hồ sơ giấy sang sử dụng hồ sơ điện tử, từng bước hình thành công dân số, xã hội số. | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 11 | Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, trong quá trình giải quyết TTHC; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đã được số hóa theo đúng quy định | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Theo chế độ báo cáo định kỳ về kiểm soát TTHC | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 12 | Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn; đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động; nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 13 | Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 6/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 14 | Quán triệt, chỉ đạo cụ thể các cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết TTHC không yêu cầu người dân phải xuất trình, nộp Sổ hộ khẩu theo quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn Luật Cư trú. | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 15 | Nghiên cứu, ứng dụng thẻ CCCD gắn chip, ứng dụng VNeID và khai thác CSDLQG về dân cư; tích hợp các thông tin trong CSDLQG về dân cư, thẻ CCCD và tài khoản ĐDĐT để dần thay các loại giấy tờ công dân, trước mắt là việc thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 3/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 16 | Đẩy mạnh cung cấp, thực hiện DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến, chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ an sinh xã hội không dùng tiền mặt | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 3/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 17 | Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH; hoàn thành kết nối giữa HTTT giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với CSDLQG về dân cư phục vụ giải quyết TTHC, DVC theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 6/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 18 | Rà soát, kiểm tra, đánh giá an toàn HTTT giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh và chỉ đạo triển khai giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng để kết nối, khai thác CSDLQG về dân cư phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp DVC trực tuyến; hoàn thành kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết TTHC từ HTTT giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh, CSDLQG, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng DVC quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa trong toàn quốc thống nhất, hiệu quả | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 3/2023 | Đã thực hiện |  |
| 19 | Thực hiện chỉ đạo, điều hành và đánh giá, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu, thời gian thực theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm công khai, minh bạch, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao vai trò người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Theo tiến độ, yêu cầu tại Quyết định số 766/QĐ-TTg | Đã chỉ đạo, đang thực hiện |  |
| 20 | Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả về đào tạo, tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, nhất là nhân lực chất lượng cao; hạn chế tình trạng chảy máu chất xám. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo đúng quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, tự ý đặt ra TTHC không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết TTHC | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đang thực hiện |  |
| 21 | Nghiên cứu, đánh giá kiện toàn về mô hình, nhân sự phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số nói chung và thực hiện Đề án 06 nói riêng; tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kỹ năng số, kỹ năng bảo mật thông tin trên môi trường mạng, thành thạo sử dụng công nghệ thông tin, nghiệp vụ phục vụ cho yêu cầu công việc và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện DVC trực tuyến | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đang thực hiện |  |
| 22 | Bố trí kinh phí để triển khai Đề án 06 đảm bảo hiệu quả, đồng bộ | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 02/2023 | Đã thực hiện |  |
| 23 | Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 6/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 24 | Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức không yêu cầu xác nhận chứng minh nhân dân 9 số trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn sử dụng thẻ CCCD gắn chip tích hợp thông tin BHYT trong khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí, thu học phí | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Tháng 3/2023 | Đã thực hiện |  |
| 25 | Chỉ đạo tất cả các cơ sở lưu trú trên địa bàn bao gồm: khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, cơ sở khám chữa bệnh và các cơ sở khác có chức năng lưu trú thực hiện thông báo lưu trú qua ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Từ tháng 02/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 26 | Chỉ đạo Tổ công tác Đề án 06 cấp huyện, cấp xã thực hiện thu thập, thống kê, rà soát, cập nhật làm sạch các dữ liệu đảm bảo thông tin công dân luôn “đúng, đủ, sạch, sống” theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 24 | Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Từ tháng 02/2023 | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 25 | Thường xuyên tuyên truyền, hỗ trợ người dân trong thực hiện DVC trực tuyến, trong đó cần phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng và Bộ phận một cửa các cấp, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số và thực hiện các DVC trực tuyến có hiệu quả. Tập huấn việc thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Rà soát từng DVC, thực hiện cắt giảm các thành phần hồ sơ đã sử dụng dữ liệu dân cư. | Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 26 | Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số, nhất là hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ; đào tạo, thu hút, tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ nguồn nhân lực chuyển đổi số, nhất là nhân lực chất lượng cao, hạn chế tình trạng chảy máu chất xám. | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 27 | Rà soát, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng các HTTT, CSDL; khẩn trương khắc phục những hạn chế, bất cập về lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thực hiện thường xuyên |  |  |
| 28 | Khẩn trương nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, để hoàn thành việc kết nối giữa HTTT giải quyết TTHC với CSDLQG về dân cư phục vụ giải quyết TTHC, DVC  | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 29 | Đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt đối với chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ an sinh xã hội; ứng dụng CSDLQG về dân cư trong việc xác thực, định danh khách hàng khi mở tài khoản | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 30 | Tập trung hoàn thành và triển khai 53 DVC thiết yếu (tại Đề án 06 và Quyết định 422/QĐ-TTg của TTCP), nhất là 10 DVC đã quá hạn trong năm 2022. Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đã cung cấp trên môi trường mạng, kết nối các DVC trực tuyến với Cổng DVC quốc gia | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 31 | Đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, liên thông, kết nối các nền tảng số, CSDL đồng bộ, thực chất, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm.  | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 32 | Khẩn trương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 năm 2023 gắn với bố trí nguồn lực phù hợp, bảo đảm thực chất, tránh hình thức; chủ động tổ chức thực hiện, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời tháo gỡ, xử lý những khó khăn, vướng mắc | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình |  | Đã thực hiện |  |
| 33 | Tăng cường nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số quốc gia trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành, xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, chú trọng bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thường xuyên | Đã chỉ đạo triển khai, đang thực hiện |  |
| 34 | Người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo thúc đẩy chuyển đổi số và Đề án 06 với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, hiệu quả | Thông báo số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 | UBND tỉnh Quảng Bình | Thường xuyên | Đã và đang thực hiện |  |

**Phụ lục II**

**Tình hình triển khai Cổng DVC của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Tổ CTTK ĐA 06 tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ quan, đơn vị** | **Số lượng hồ sơ trực tuyến đã tiếp nhận** | **Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận dưới cả hình thức trực tuyến và trực tiếp** | **Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh** |
| **I** | **Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh** |
| 1 | Sở Nội vụ | 237 | 261 | 90,8% |
| 2 | Sở Tư pháp | 3.703 | 15.275 | 24,2% |
| 3 | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 0 | 201 | 0% |
| 4 | Sở Tài chính | 8 | 8 | 100% |
| 5 | Sở Công thương | 11,334 | 11.342 | 99,9% |
| 6 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 0 | 0 |  |
| 7 | Sở Giao thông Vận tải | 279 | 317 | 88% |
| 8 | Sở Xây dựng | 97 | 180 | 53,9% |
| 9 | Sở Tài nguyên và Môi trường | 5.074 | 9.698 | 52,3% |
| 10 | Sở Thông tin và Truyền thông | 34 | 36 | 94,4% |
| 11 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | 237 | 357 | 66,4% |
| 12 | Sở Văn hóa, Thể thao | 153 | 153 | 100% |
| 13 | Sở Khoa học và Công nghệ | 67 | 67 | 100% |
| 14 | Sở Giáo dục và Đào tạo | 434 | 434 | 100% |
| 15 | Sở Y tế | 131 | 274 | 47,8% |
| 16 | Sở Ngoại vụ | 27 | 27 | 100% |
| 17 | Thanh tra tỉnh | 0 | 0 |  |
| 18 | Ban Dân tộc | 2 | 2 | 100% |
| 19 | Ban Quản lý Khu Kinh tế | 41 | 41 | 100% |
| 20 | Sở Du Lịch | 81 | 117 | 69,2% |
| **II** | **CẤP HUYỆN, CẤP XÃ** |
| 1  | **Thành phố Đồng Hới** |   |   |  |
|   | Cấp huyện | 473 | 740 | 63,9% |
|   | Cấp xã | 4.067 | 4.249 | 95,7% |
| 2 | **Thị xã Ba Đồn** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 338 | 370 | 91,4% |
|   | Cấp xã | 3.802 | 4.595 | 82,7% |
| 3 | **Huyện Lệ Thủy** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 196 | 258 | 76% |
|   | Cấp xã | 2.715 | 3.860 | 703% |
| 4 | **Huyện Quảng Ninh** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 181 | 200 | 90,5% |
|   | Cấp xã | 3.418 | 3.660 | 93,4% |
| 5 | **Huyện Bố Trạch** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 750 | 806 | 93,1% |
|   | Cấp xã | 6.355 | 7.124 | 89,2% |
| 6 | **Huyện Quảng Trạch** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 232 | 238 | 97,5% |
|   | Cấp xã | 3.551 | 3.974 | 89,4% |
| 7 | **Huyện Tuyên Hóa** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 234 | 258 | 90,7% |
|   | Cấp xã | 3.531 | 3.568 | 99,0% |
| 8 | **Huyện Minh Hóa** |  |  |  |
|   | Cấp huyện | 67 | 142 | 47,2% |
|   | Cấp xã | 1.250 | 1.711 | 73,1% |

**Phụ lục III**

**Tình hình triển khai DVC trực tuyến thiết yếu của Đề án 06 trong 6 tháng đầu năm 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-TCTTKĐA ngày tháng năm 2023 của Tổ CTTK ĐA 06 tỉnh)*

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **DVC trực tuyến** | **Kết nối với Cổng DVC quốc gia** | **Tổng số hồ sơ (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến)** | **Tình hình xử lý hồ sơ trực tuyến** | **Khó khăn, vướng mắc** |
| **Tổng hồ sơ** | **Trực tuyến** | **Tỷ lệ** | **Đúng hạn** | **Quá hạn** |
| 1 | Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi đã được cấp thẻ CCCD | Đã kết nối | 247 | 247 | 100% | X |  |  |
| 2 | Cấp lại, đổi thẻ CCCD | Đã kết nối | 27.720 | 690 | 2.5% | X |  | Thời gian qua Công an tỉnh thực hiện cao điểm để hoàn thành cấp CCCD gắn chip cho 100% công dân đủ điều kiện trên địa bàn, huy động nhiều tổ cấp CCCD lưu động để thu nhận hồ sơ. Việc thực hiện thủ tục cấp CCCD đơn giản, nhanh chóng nên người dân muốn làm trực tiếp, dẫn đến tỉ lệ hồ sơ DVC chưa cao |
| 3 | Đăng ký thường trú | Đã kết nối | 41.209 | 38.089 | 92.4% | X |  |  |
| 4 | Đăng ký tạm trú | Đã kết nối | 2.347 | 2.288 | 97.5% | X |  |  |
| 5 | Khai báo tạm vắng | Đã kết nối | 67 | 62 | 92.5% | X |  |  |
| 6 | Thông báo lưu trú | Đã kết nối | 22.961 | 22.942 | 99.9% | X |  |  |
| 7 | Đăng ký, cấp biển số mô tô, xe gắn máy | Đã kết nối | 12.052 | 11.769 | 97.7% | X |  |  |
| 8 | Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ qua thiết bị ghi hình (phạt nguội) | Đã kết nối | 2.256 | 2.131 | 94.5% | X |  |  |
| 9 | Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông | Đã kết nối | 18.300 | 18.300 | 100% | X |  |  |
| 10 | Thủ tục làm con dấu mới và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu | Đã kết nối | 56 | 56 | 100% | X |  |  |
| 11 | Thủ tục làm con dấu thu nhỏ, dấu nổi, dấu xi và cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu | Đã kết nối | 0 | 0 |  | X |  |  |
| 12 | Đăng ký khai sinh | Đã kết nối | 13.852 | 11.976 | 86.5% | X |  |  |
| 13 | Đăng ký khai tử | Đã kết nối | 13.549 | 11.954 | 88.2% | X |  |  |
| 14 | Đăng ký kết hôn | Đã kết nối | 14.453 | 12.719 | 88.0% | X |  |  |
| 15 | Cấp phiếu lý lịch tư pháp | Đã kết nối | 11.572 | 3.670 | 31.7% | X |  |  |
| 16 | Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ) | Đã kết nối | 9.241 | 4.863 | 52.6% | X |  |  |
| 17 | Tích hợp giảm trừ mức đóng trong gia hạn thẻ BHYT theo hộ gia đình | Đã kết nối | 0 | 0 |  | X |  | Đã triển khai tuyên tuyền nhưng người dân chưa có nhu cầu thực hiện |
| 18 | Đăng ký thuế lần đầu, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân | Đã kết nối | 5.318 | 4.716 | 88.7% | X |  |  |
| 19 | Cấp đổi, cấp lại GPLX | Đã kết nối | 4215 | 37 | 0.9% | X |  | Đã triển khai tuyên tuyền nhưng người dân giữ thói quen thực hiện TTHC trực tiếp |
| 20 | Đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét tuyển đại học, cao đẳng | Đã kết nối | 10.808 | 10.808 | 100% | X |  |  |
| 21 | Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp | Đã kết nối | 1.916 | 1.539 | 80.3% | X |  |  |
| 22 | Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (220/380V) | Đã kết nối | 4.295 | 4.295 | 100% | X |  |  |
| 23 | Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện | Đã kết nối | 1.578 | 1.578 | 100% | X |  |  |
| 24 | Liên thông khai sinh - ĐKTT - BHYT | Đã kết nối | 0 | 0 |  |  |  | Đã thông kỹ thuật, đảm bảo an ninh, an toàn, hoàn thành kết nối. Chuẩn bị đưa vào sử dụng trong thời gian tới |
| 25 | Liên thông khai tử - Xóa ĐKTT - TCMTP | Đã kết nối | 0 | 0 |  |  |  |
| **Tổng** | **218.012** | **164.729** | **75.6%** |  |  |  |